

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN
TIẾNG ANH B1 – HỌC PHẦN 2
Ngành đào tạo: Công tác xã hội, Quản trị Kinh doanh
Hệ đào tạo: Đại học chính quy

1. Tên học phần: Tiếng Anh B1 – học phần 2

2. Mã học phần: DHNT18

3. Số đvht: 3 (1,2)

4. Trình độ: SV năm thứ ba

5. Phân bổ thời gian:

- Lý thuyết: 15 tiết (1 tiết giảng / 1 tuần lễ)
- Thảo luận, thực hành, kiểm tra: 60 tiết (4 tiết / 1 tuần lễ)
- Tự học: 75 giờ

6. Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh A2

7. Mục tiêu của học phần:

7.1. Về kiến thức: kết thúc học phần, sinh viên có thể:

- Có đủ lượng từ để thực hiện giao tiếp với mức độ tự tin nhất định về nhiều chủ đề quen thuộc liên quan đến công việc, trường học, giải trí, .v.v

- Sử dụng được các thì tiếng Anh trong các hoạt động trên lớp, sử dụng được các động từ tình thái.
- Nhận diện được cách phát âm, phiên âm tiếng Anh để có thể tự đọc và nói đúng; Phân biệt các cặp nguyên âm ngắn – dài; phân biệt các cặp phụ âm hữu thanh – vô thanh.
- Nói đúng trọng âm và ngữ điệu trong giao tiếp về nhiều chủ đề đa dạng trong cuộc sống thường ngày;

7.2. *Về kĩ năng*: sinh viên được phát triển 4 kỹ năng ngôn ngữ: nghe, nói, đọc, viết ở mức sơ-trung cấp liên quan đến các tình huống quen thuộc hàng ngày.

Kỹ năng nghe:

- Có thể hiểu được các bài nói trực tiếp hoặc phát lại về các chủ đề quen thuộc hoặc không quen thuộc thường gặp trong đời sống cá nhân, xã hội, học tập, nghề nghiệp khi bài nói đó được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến;
- Có thể xác định được ý chính trong các bài nói được trình bày rõ ràng về những chủ đề thường gặp trong đời sống, công việc, trường học;
- Xác định được ý chính của các câu chuyện khi được diễn đạt rõ ràng bằng phương ngữ chuẩn phổ biến.

Kỹ năng đọc:

- Có thể đọc hiểu các văn bản chứa đựng thông tin rõ ràng về các chủ đề liên quan đến chuyên ngành và lĩnh vực yêu thích, quan tâm của mình;
- Có thể xác định được các kết luận chính trong các văn bản nghị luận có sử dụng các tín hiệu ngôn ngữ rõ ràng;
- Có thể nhận diện mạch lập luận của văn bản đang đọc

Kỹ năng nói:

- có thể giao tiếp tương đối tự tin về các vấn đề quen thuộc liên quan đến sở thích, học tập, và việc làm của mình; có thể trao đổi, kiểm tra và xác nhận thông tin, giải thích vấn đề nảy sinh; có thể trình bày ý kiến về các chủ đề văn hóa như phim ảnh, sách báo, âm nhạc, v.v;
- có thể tham gia đàm thoại về các chủ đề quen thuộc mà không cần chuẩn bị, thể hiện quan điểm cá nhân và trao đổi thông tin về các chủ đề quen thuộc liên quan đến sở thích cá nhân, học tập, công việc hoặc cuộc sống hàng ngày.

Kỹ năng viết:

- viết bài đơn giản, có tính liên kết về các chủ đề quen thuộc hoặc mối quan tâm cá nhân bằng cách kết nối các thành tố đơn lập thành bài viết có cấu trúc.

Các kỹ năng khác:

- Tổ chức và làm việc theo nhóm;
- Tìm kiếm và khai thác thông tin trên mạng internet phục vụ cho việc học tập môn học.

7.3. Về thái độ:

- Nhận thức rõ tầm quan trọng của môn học, có ý thức học hỏi nắm bắt nội dung môn học
- Tự giác trong học tập và trung thực trong thi cử;
- Phát huy tối đa tinh thần tự học thông qua nghiên cứu sách ngữ pháp, đọc thêm các tài liệu trên mạng internet ...
- Tham gia tích cực và có tinh thần xây dựng và óc tư duy sáng tạo và phê phán vào các hoạt động trên lớp.
- Thực hiện nghiêm túc thời gian biểu, làm việc và nộp bài đúng hạn.
- Chia sẻ thông tin với bạn bè và giáo viên.
- Chủ động đặt câu hỏi về những thắc mắc của mình.

8. Mô tả tóm tắt nội dung học phần:

Học phần này củng cố và mở rộng những kiến thức và kỹ năng cơ bản trong giao tiếp tiếng Anh sơ cấp đồng thời hướng dẫn sinh viên phương pháp tự học. Dưới đây là mô tả vắn tắt nội dung học phần:

Từ vựng	Từ vựng theo chủ đề: tính cách, gia đình, nhà cửa, bạn bè, việc làm, tài chính, giáo dục, thể thao, giải trí, đồ ăn, nhà hàng Danh từ; ngữ động từ; Từ nối Cách thành lập tính từ; cấu tạo trạng từ
Ngữ âm	Trọng âm trong từ có tiền tố, hậu tố Trọng âm trong danh từ đa âm tiết, danh từ ghép, danh từ chỉ người Phân biệt các phụ âm hữu thanh – vô thanh, nguyên âm ngắn – nguyên âm dài

Ngữ pháp	Các thì trong tiếng Anh Động từ chỉ hoạt động; động từ chỉ cảm giác/trạng thái Câu bị động; Câu điều kiện; Câu gián tiếp Mệnh đề quan hệ
Nghe nói	Chủ đề: các tình huống quen thuộc thường gặp tại nơi làm việc, trường học, vui chơi giải trí Kỹ năng: nghe và nắm ý chính; nghe và phát hiện thông tin chi tiết
Đọc hiểu	Đọc lướt để xác định ý chính; Tìm ra và hiểu được thông tin phù hợp trong các tài liệu hàng ngày
Viết	Miêu tả sự kiện, chuyến đi gần đây; Kể về trải nghiệm, miêu tả cảm giác, phản ứng Viết kể lại một câu chuyện Viết bài luận đơn giản về chủ đề quan tâm Viết tóm tắt báo cáo và trình bày ý kiến

9. Bộ môn phụ trách giảng dạy: Bộ môn Ngoại ngữ

10. Nhiệm vụ của sinh viên:

- Nghiên cứu trước giáo trình, tài liệu theo chương, bài vào các giờ tự học;
- Đi học đầy đủ, đúng giờ và tích cực tham gia trên lớp;
- Hoàn thành các bài tập được giao và nộp bài đúng thời hạn;
- Tham gia đầy đủ các bài kiểm tra;
- Tham gia thi kết thúc học phần.

11. Tài liệu học tập

11.1. Tài liệu bắt buộc

1. Louise Hashemi, Barbara Thomas. *Objective PET*, Cambridge University Press (2010)
2. Malcolm Mann, Steve Taylore-Knowles. *Destination B1 – Grammar and Vocabulary*, Macmillan, 2008.
3. Jonathan Marks. *English Pronunciation in Use*, Elementary, Cambridge University Press (2007)

11.2. Tài liệu tham khảo.

4. Oshima, A & Hogue, A. *Writing Academic English* Longman ELT.

12. Tiêu chuẩn đánh giá sinh viên:

STT	Điểm thành phần	Quy định	Trọng số	Ghi chú
1	Tham gia học tập trên lớp: tích cực tham gia các hoạt động trên lớp, chuẩn bị và làm bài tập đầy đủ, nộp bài đúng hạn; không nghỉ học quá 20% số buổi học, không đi học muộn.	1 điểm	10%	Hàng tuần
2	Bài kiểm tra tiến bộ số 1: đánh giá các kiến thức cấu trúc, ngữ pháp, từ vựng, phát âm và các kỹ năng nghe, đọc, viết	Thi viết 90 phút	20%	Tuần 8
3	Bài kiểm tra tiến bộ số 2: đánh giá kỹ năng nói	Thi nói	10%	Từ tuần 9 – tuần 15
3	Thi kết thúc học phần	Thi viết + vấn đáp	60%	

Lưu ý: Sinh viên không tham gia đủ 80% số tiết học trên lớp không được thi lần đầu.

13. Thang điểm: thang điểm 10, làm tròn đến một chữ số thập phân (áp dụng với các điểm thành phần và điểm học phần)

14. Nội dung chi tiết học phần:

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 1	1.1. Tổng quan chương trình 1.1.1. Giới thiệu chương trình tiếng Anh B1-HP2 1.1.2 Xây dựng kế hoạch tự học 1.2. Unit 16 – Free time	1	4	Đề cương chi tiết học phần Tiếng Anh B1 – HP2	Làm bài tập: <i>Objective PET</i> p.

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	1.2.1. <i>Ngữ pháp: going to, thì hiện tại đơn (after when, after, until in future time);</i> 1.2.2 <i>Từ vựng: study and leisure; invitations, making arrangements</i> 1.2.3 <i>Nghe nói: making plans</i> 1.2.4. <i>Exam folder 16</i>				104 - 109
Tuần 2	Unit 17 – Next week’s episode 2.1. <i>Ngữ pháp: will future, will vs going to; Everyone, no one, someone, anyone</i> 2.2 <i>Từ vựng: TV, radio, saying what will happen</i> 2.3 <i>Nghe nói: predictions</i> 2.4 <i>Exam folder 17</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.110 – 115	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary– p.30-32</i>
Tuần 3	Unit 18 – Shooting a film 3.1. <i>Ngữ pháp: past perfect; past perfect vs past simple</i> 3.2 <i>Từ vựng: talking about the order of past events;telling a story</i> 3.3. <i>Nghe nói: films, telling a story</i> 3.4. <i>Exam folder 18</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p. 116 - 121	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary– p.21; Objective PET p. 122 - 123</i>
Tuần 4	Unit 20 – So you think you’ve got talent? 4.1. <i>Ngữ pháp: comparison of adverbs, so and such, connectives</i> 4.2 <i>Từ vựng: music, musical instruments, jobs</i> 4.3 <i>Nghe nói: music, congratulations, saying what you like and prefer</i> 4.4. <i>Exam folder 20</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.130 – 135	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary– p.106-108, 166-168 Objective PET p.146-147</i>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 5	Unit 21 – Keep in touch! 5.1. <i>Ngữ pháp: have something done; reported command and requests; possessive pronouns and adjectives</i> 5.2 <i>Từ vựng: making phone calls</i> 5.3 <i>Nghe nói: communicating</i> 5.4. <i>Exam folder 21</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.136 – 141; p.143 (reported speech)	Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary</i> – p.133-135;
Tuần 6	Unit 23 – Best friends? 6.1. <i>Ngữ pháp: relative clauses; adjectives + prepositions</i> 6.2 <i>Từ vựng: friendship, introducing people ghép</i> 6.3 <i>Nghe nói: friendship</i> 6.4. <i>Exam folder 23</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.148 – 153	Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập: <i>Destination B1–Grammar and Vocabulary</i> , p.69-71
Tuần 7	Unit 24 – I’ve got an idea 7.1. <i>Ngữ pháp: past simple passive, future passive</i> 7.2 <i>Từ vựng: describing objects, guessing vocabulary</i> 7.3 <i>Nghe nói: inventions</i> 7.4. <i>Exam folder 24</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.154 – 159	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary</i> – p.42-44 <i>Objective PET</i> p. 160 - 161
Tuần 8	Unit 25 – Shop till you drop 8.1. <i>Ngữ pháp: reported questions; verbs with two objects</i> 8.2 <i>Từ vựng: shops and shopping; trying on clothes</i> 8.3 <i>Nghe nói: shopping</i> 8.4. <i>Exam folder 25</i>	1	4 Kiểm tra Bài số 1	<i>Objective PET</i> p.162 – 165	Làm bài tập: <i>Objective PET</i> p. 166 - 167

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
Tuần 9	Unit 26 – Persuading people 9.1. <i>Ngữ pháp: first conditional; unless, if, when</i> 9.2 <i>Từ vựng: understanding writer or speaker purpose, reporting verbs</i> 9.3 <i>Nghe nói: persuading and persuasion</i> 9.4. <i>Exam folder 26</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.168-173	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary– p.118-119</i>
Tuần 10	Unit 27 – Travellers’ tales 10.1. <i>Ngữ pháp: adverbs at the beginning of a sentence; reflexive pronouns, using the passive</i> 10.2 <i>Từ vựng: travel, word building</i> 10.3 <i>Nghe nói: travel experiences</i> 10.4. <i>Exam folder 27</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.174-177	<i>Objective PET</i> p.178-179
Tuần 11	Unit 28 – What would you do? 11.1. <i>Ngữ pháp: second conditional</i> 11.2 <i>Từ vựng: jobs, expression with prepositions</i> 11.3 <i>Nghe nói: celebrities</i> 11.4. <i>Exam folder 28</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.180-183	Làm bài tập: <i>Destination B1 – Grammar and Vocabulary– p.119-120</i>
Tuần 12	Unit 29 – What’s on the menu? 12.1. <i>Ngữ pháp: So do I, Neither/Nor do I; polite question forms</i> 12.2 <i>Từ vựng: asking politely; apologizing; foods; restaurants</i> 12.3 <i>Nghe nói: foods and restaurants</i> 12.4. <i>Exam folder 29</i>	1	4	<i>Objective PET</i> p.186 – 189	Làm bài tập: <i>Objective PET</i> p.190-191
Tuần 13	Unit 30 – Blue for a boy, pink for a girl? 13.1. <i>Ngữ pháp: hardly; before, after + V-ing</i> 13.2 <i>Từ vựng: informal languages, saying</i>	1	4	<i>Objective PET</i>	Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập: <i>Destination B1</i>

Tuần	Nội dung giảng dạy	Lý thuyết	TL + KT	Tài liệu đọc trước	Nhiệm vụ của SV
	<i>goodbye</i> 13.3 <i>Nghe nói: boys and girls</i> 14.4. <i>Exam folder 30(listening Part 3, Speaking parts 1, 2, and 3</i>			p.192-197	– <i>Grammar and Vocabulary</i> – p.154-156
Tuần 14	14.1. Exam folder 30 – Writing parts 1, 2 and 3 14.2 Unit 25-30 Revision	1	4	<i>Objective PET</i> p.197 - 199	Chuẩn bị nội dung thảo luận; Làm bài tập: <i>Objective PET</i> p.197
Tuần 15	Revision and wrap -up 15.1. <i>Ngữ pháp:revision,</i> 15.2 <i>Từ vựng: revision</i> 15.3 <i>Exam folder: PET sample</i>	1	4		Ôn tập các nội dung trong kỳ
Tuần 16	Ôn và thi kết thúc học phần				

Hà Nội, ngày 20 tháng 2 năm 2015

GIÁM ĐỐC

(Đã ký)

TRƯỞNG KHOA

(Đã ký)

TRƯỞNG TỔ MÔN

(Đã ký)